

UBND TỈNH QUẢNG NAM
**QUỸ BẢO VỆ VÀ
PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc kiện toàn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính - Tổng hợp, Kế hoạch - Kỹ thuật, Kiểm tra - Giám sát; các cơ quan, đơn vị liên quan và toàn thể viên chức, người lao động Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chi ủy Chi bộ, Công đoàn cơ sở;
- Ban Giám đốc;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, HC-TH.

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QBV&PTR-BĐH ngày tháng năm 2024
của Ủy Ban và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục công nhận và chấp thuận sáng kiến; việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến và người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu; các biện pháp quản lý, khuyến khích và hỗ trợ hoạt động sáng kiến của Ủy Ban và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Áp dụng theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Áp dụng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 4. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP);

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

c) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng trái với pháp luật hiện hành, trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 5. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Áp dụng theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CHẤP THUẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy định này);

b) Báo cáo sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy định này);

c) Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (bản gốc hoặc bản sao).

3. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi về phòng Hành chính - Tổng hợp trước ngày 15/11 hằng năm.

Điều 7. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến

1. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến tiếp nhận, xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện hồ sơ (nếu có) và có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến theo quy định.

2. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ sáng kiến; giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét hồ sơ.

Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận hồ sơ sáng kiến.

Điều 8. Xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

3. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

4. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến; nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 11 Quy định này.

Điều 9. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến

a) Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, khoa học, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của hoạt động tư vấn đánh giá sáng kiến. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn;

b) Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ nghiên cứu, thảo luận, xem xét, đánh giá nội dung sáng kiến theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về ý kiến tư vấn của mình; giữ bí mật về các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của

Hội đồng được thể hiện trên Phiếu nhận xét, đánh giá sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III Quy định này);

c) Phiên họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền. Ý kiến của thành viên Hội đồng vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo (nếu có);

d) Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng có mặt.

đ) Kết quả làm việc của Hội đồng được lập bằng văn bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên.

e) Hội đồng sáng kiến có quyền yêu cầu tác giả, đồng tác giả trực tiếp báo cáo sáng kiến hoặc tiến hành kiểm tra, thẩm định thực tế sáng kiến tại cơ sở nếu thấy cần thiết.

Điều 10. Phê duyệt, công nhận sáng kiến

1. Trên cơ sở tư vấn của Hội đồng, người đứng đầu cơ sở xem xét, quyết định công nhận sáng kiến.

2. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 11. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

Áp dụng theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và tại Điều 10, Điều 11 Thông tư 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 13. Phổ biến sáng kiến

Áp dụng theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 14. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

Áp dụng theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các nội dung về hoạt động sáng kiến có liên quan khác không quy định trong văn bản này, thực hiện theo quy định của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 16. Phân công trách nhiệm

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp thực hiện và nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nếu có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

b) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với các phòng chuyên môn liên quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh;

f) Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

g) Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV, V ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam) về các cấp trên có thẩm quyền.

2. Các phòng chuyên môn liên quan có trách nhiệm:

- a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến tại cơ sở;
- b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề gì phát sinh, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các phòng chuyên môn liên quan kịp thời phản ánh về phòng Hành chính - Tổng hợp để tổng hợp; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh đề xuất, báo cáo các cấp có thẩm quyền tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-QBV&PTR-BĐH ngày tháng năm 2024 của Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi:

Chúng tôi/tôi kính đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xem xét, công nhận sáng kiến như sau:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến²:

.....

- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến)³:.....

.....

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến⁴:.....

.....

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn).....

- Hồ sơ đính kèm:

+ Báo cáo sáng kiến.

+ Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nêu cụ thể, nếu có).

Chúng tôi/ tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

 Ghi chú:

1. Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.
2. Tên của sáng kiến.
3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.
4. Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin; Nông lâm ngư nghiệp và môi trường; Cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải; Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...); Khác

Phụ lục II**Mẫu báo cáo sáng kiến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-QBV&PTR-BĐH ngày tháng năm 2024 của Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO SÁNG KIẾN**

1. Tên sáng kiến1:.....

2. Mô tả bản chất của sáng kiến2: Có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm,...nếu cần thiết.

2.1. Các bước và cách thức thực hiện giải pháp (mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng):

2.2. Phân tích tình trạng của giải pháp đã biết (nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở):.....

2.3. Nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm hiện tại (nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở):

2.4. Khả năng áp dụng của sáng kiến:.....

(Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào)

2.5. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

- So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);

- Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.

2.5.1. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:.....

.....

2.5.2. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

.....

3. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

4. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:.....

5. Danh sách những thành viên đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

 Ghi chú:

1. Tên của sáng kiến.
2. Cần nêu rõ các nội dung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/BKHCN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

Phụ lục III**Mẫu phiếu nhận xét, đánh giá sáng kiến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-QBV&PTR-BĐH ngày tháng năm 2024 của Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến:

Thời gian hợp:

.....

Họ và tên người nhận xét:

Học vị: Chuyên ngành:.....

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Số điện thoại cơ quan/di động:

Chức trách trong Hội đồng sáng kiến:.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

TT	Tiêu chí	Nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng
1	Tính mới và sáng tạo của sáng kiến: Sáng kiến phải có giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở hoặc những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết hoặc là các giải pháp mang tính mới hoàn toàn.	
2	Khả năng áp dụng của sáng kiến: Sáng kiến phải có giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả	

	năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào	
3	Lợi ích của sáng kiến: - So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó); - Số tiền làm lợi do sáng kiến mang lại (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.	
	Đánh giá chung (Đạt hay không đạt):	

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

(Họ, tên và chữ ký)